

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG
 ĐƠN VỊ: KHOA KẾ TOÁN KIỂM TOÁN

ĐỀ THI VÀ ĐÁP ÁN
THI KẾT THÚC HỌC PHẦN
Học kỳ 1, năm học 2023-2024

I. Thông tin chung

Tên học phần:	THUẾ		
Mã học phần:	71ACCT20353	Số tín chỉ:	3
Mã nhóm lớp học phần:	232_71ACCT20353-01 đến 232_71ACCT20353_04		
Hình thức thi: Trắc nghiệm kết hợp Tự luận	Thời gian làm bài:	75	phút
<i>Thí sinh được tham khảo tài liệu:</i>	<input checked="" type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không	

2. Giao nhận đề thi

Sau khi kiểm duyệt đề thi, đáp án/rubric. **Trưởng Khoa/Bộ môn** gửi đề thi, đáp án/rubric về Trung tâm Khảo thí qua email: khaothivanlang@gmail.com bao gồm file word và file pdf (*nén lại và đặt mật khẩu file nén*) và nhắn tin + họ tên người gửi qua số điện thoại **0918.01.03.09** (Phan Nhất Linh).

- Khuyến khích Giảng viên biên soạn và nộp đề thi, đáp án bằng File Hot Potatoes. Trung tâm Khảo thí gửi kèm File cài đặt và File hướng dẫn sử dụng để hỗ trợ Quý Thầy Cô.

PHẦN TRẮC NGHIỆM (10 câu + mỗi câu 0.3 điểm)

Công ty nước Gia Định có hoạt động trong tháng 03/2024 như sau: Ngày 28/2 ghi chỉ số nước tháng 2/2024, ngày 3/3 kê toán lập hóa đơn tính tiền nước tháng 02/2024 và ngày 05/03 người tiêu dùng nộp tiền nước cho công ty. Như vậy thời điểm công ty nước Gia Định ghi nhận giá tính thuế GTGT là:

- A. Ngày 28/02/2024
- B. Ngày 03/03/2024
- C. Ngày 05/03/2024
- D. Kê toán của công ty Gia Định.

ANSWER: A

Doanh nghiệp A sản xuất sản phẩm chịu thuế TTĐB, bán sản phẩm thông qua đại lý bán đúng giá, vậy giá tính thuế TTĐB là:

- A. Giá bán đã có thuế GTGT của đại lý.
- B. Giá bán chưa thuế GTGT của đại lý/(1 + thuế suất thuế TTĐB).
- C. [Giá bán chưa thuế GTGT của đại lý/(1 + thuế suất thuế TTĐB)] + Tiền hoa hồng chưa thuế GTGT của đại lý.
- D. [Giá bán chưa thuế GTGT của đại lý/(1 + thuế suất thuế TTĐB)] - Tiền hoa hồng chưa thuế GTGT của đại lý

ANSWER: B

Công ty A nhập khẩu 1 lô hàng có giá tính thuế nhập khẩu là 1,3 tỷ đồng, biết rằng thuế suất thuế nhập khẩu của mặt hàng này là 12%, thuế suất thuế TTĐB là 30% và thuế suất thuế GTGT là 10%. Giả sử công ty được miễn thuế nhập khẩu thì giá tính thuế GTGT là:

- A. $1,3 \text{ tỷ} + (1,3 \text{ tỷ} \times 30\%)$
- B. $1,3 \text{ tỷ} + (1,3 \text{ tỷ} \times 12\%) + (1,3 \text{ tỷ} \times 30\%)$
- C. $1,3 \text{ tỷ} + (1,3 \text{ tỷ} \times 12\%) + (1,3 \text{ tỷ} \times 30\%) + (1,3 \text{ tỷ} \times 10\%)$
- D. Tất cả sai.

ANSWER: A

Nguyên tắc công bằng của thuế được thể hiện ở chỗ

- A. Tất cả người dân đều bình đẳng trước pháp luật và Mỗi luật thuế được thiết lập phải căn cứ vào khả năng thu nhập của người chịu thuế
- B. Thuế đảm bảo nguồn thu cho Ngân sách Nhà nước.
- C. Mỗi luật thuế được thiết lập phải căn cứ vào khả năng thu nhập của người chịu thuế
- D. Tất cả người dân đều bình đẳng trước pháp luật

ANSWER: A

Nguyên nhân trực tiếp thúc đẩy sự ra đời của thuế

- A. Sự phát triển của sản xuất hàng hóa
- B. Phân công lao động xã hội
- C. Sự ra đời của tiền tệ
- D. Sự ra đời của nhà nước

ANSWER: D

Đối tượng chịu thuế thể hiện sự công bằng xã hội theo chiều ngang của thuế là

- A. Dịch vụ
- B. Hàng hóa
- C. Thu nhập
- D. Hàng hóa và dịch vụ

ANSWER: D

Doanh nghiệp nhập khẩu 1.000 sp, giá CIF là 30 USD/sp, I&F là 2 USD/sp. Tỷ giá tính thuế là 21.500 đồng/USD. DN chịu thuế suất thuế nhập khẩu thông thường tương ứng với mức thuế suất ưu đãi 2%. Thuế nhập khẩu DN phải nộp là:

- A. 13,76 triệu đồng
- B. 19,35 triệu đồng
- C. 12,9 triệu đồng
- D. Tất cả đều sai

ANSWER: B

DN X ở Hải Phòng NK 2.000 chai rượu, giá bán tại cửa khẩu xuất là 500.000 đồng/chai; I&F từ nước ngoài đến cửa khẩu Tp.HCM là 100.000 đồng/chai, từ Tp.HCM đến Hải Phòng là 20.000 đồng/chai. Thuế suất thuế NK rượu 100%. Thuế NK phải nộp là:

- A. 1.200 triệu đồng
- B. 1.000 triệu đồng
- C. Tất cả đều sai
- D. 1.240 triệu đồng

ANSWER: A

Doanh nghiệp nào sau đây không phải nộp thuế TTĐB

- A. Doanh nghiệp B nhận gia công thuốc lá điều cho doanh nghiệp trong nước và xuất trả sản phẩm gia công
- B. Doanh nghiệp thương mại C nhập khẩu xe ô tô 24 chỗ ngồi rồi bán trong nước
- C. Doanh nghiệp A mua rượu trắng trên 40 từ công ty thương mại để sản xuất rượu thuốc và bán rượu thuốc trong nước.
- D. Tất cả đều sai

ANSWER: C

Doanh nghiệp nào là đối tượng nộp thuế TTĐB

- A. Doanh nghiệp nhập khẩu xe Ô tô 16 chỗ để phục vụ đưa đón cán bộ công nhân viên
- B. Doanh nghiệp nhập khẩu xe Ô tô 16 chỗ để phục vụ kinh doanh nước khoáng.
- C. Tất cả các đáp án trên
- D. Doanh nghiệp nhập khẩu xe Ô tô 16 chỗ để phục vụ kinh doanh thuốc lá điều.

ANSWER: C

PHẦN TỰ LUẬN (tổng số câu hỏi 3 - 7 điểm)

Là người có kiến thức về thuế, anh (chị) hãy giải quyết các tình huống thuế sau:

Câu 1: Hải là con một của gia đình, ông bà nội ngoại hai bên đều đã mất nên cha mẹ Hải để lại di chúc cho Hải thừa kế toàn bộ tài sản của gia đình gồm có 1 căn nhà và 1 xe ô tô. Do Hải biết bạn đã học xong học phần thuế, nên Hải muốn nhờ bạn tư vấn về vấn đề thuế nhập cá nhân khi bạn ấy được hưởng thừa kế như trong di chúc của bố mẹ bạn ấy.

Câu 1. Hãy trả lời nhân định các câu sau đây đúng hay sai? Giải thích tại sao? Các khoản chi có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, có hóa đơn chứng từ đầy đủ theo quy định của pháp luật là khoản chi được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Câu 2: Công ty có một đoàn xe vận tải. Công ty yêu cầu toàn bộ xe của công ty chỉ được mua dầu tại các cửa hàng của công ty xăng dầu MB. Lái xe sử dụng tiền mặt thanh toán với cửa hàng và lấy hóa đơn về để công ty thanh toán. Mỗi lần đổ dầu có giá dao động từ 2 đến 3 trđ. Khi kiểm tra thuế, cán bộ thuế loại bỏ thuế GTGT đầu vào đối với những hóa đơn mua hàng của công ty xăng dầu MB đối với những ngày mà tổng giá mua từ 20 trđ trở lên do thanh toán bằng tiền mặt. Anh/chị hãy cho biết ý kiến về trường hợp này.

Câu 3: Trích tài liệu của Công ty cổ phần X chuyên sản xuất sản phẩm E, trong năm 2023 có tình hình sau:

I. TÌNH HÌNH HÀNG HÓA, DỊCH VỤ MUA VÀO TRONG NĂM:

1. Nhập khẩu 600 tấn nguyên liệu A, giá mua tại cửa khẩu nhập đầu tiên của Việt Nam quy ra tiền Việt Nam là 3 trđ/tấn (giá CIF).
2. Mua 200 tấn nguyên liệu B, có hóa đơn GTGT với giá mua chưa thuế GTGT là 4 trđ/tấn.
3. Mua 2.000 lít rượu, có hóa đơn GTGT với giá mua chưa thuế GTGT là 10.000 đ/lít.
4. Dịch vụ mua ngoài, có hóa đơn GTGT với giá chưa thuế GTGT là 80 trđ.

II. TÌNH HÌNH TIÊU THỤ SẢN PHẨM TRONG NĂM:

1. Bán cho công ty thương mại 500 tấn SP E, giá bán chưa thuế GTGT là 6,5 trđ/tấn. Công ty X thu 80% số tiền ngay lúc giao hàng, 20% còn lại sẽ thu vào tháng 1 năm sau.
2. Bán cho doanh nghiệp trong khu công nghiệp 600 tấn SP E, giá bán chưa thuế GTGT là 6,4 trđ/tấn.

III. CHI PHÍ PHÁT SINH TRONG NĂM:

1. Chi phí nguyên vật liệu phục vụ sản xuất 1.700 trđ.
2. Chi phí khấu hao TSCĐ:
 - Phục vụ cho sản xuất: 550 trđ, trong đó có 10 trđ là khấu hao của TSCĐ đã hết thời hạn khấu hao nhưng vẫn còn phục vụ sản xuất.
 - Phục vụ bộ phận quản lý doanh nghiệp và bán hàng 110 trđ, trong đó có 20 trđ là khấu hao của TSCĐ đầu tư bằng tiền vay ngân hàng.
3. Chi phí tiền lương:
 - Thuộc bộ phận sản xuất: năng suất bình quân 2 tấn/Lđ/tháng, đơn giá tiền lương 1,8 trđ/Lđ/tháng.
 - Thuộc bộ phận quản lý doanh nghiệp và bán hàng 380 trđ.
4. Chi phí phục vụ tiêu thụ hàng hóa 100 trđ.
5. Chi khuyến mãi 130 trđ.
6. Chi nộp thuế Môn bài, thuế Nhà đất 14 trđ.
7. Chi tạm nộp thuế TNDN quý I, II, III và IV trong năm 120 trđ.
8. Chi phí hợp lý khác (bao gồm cả BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN):
 - Thuộc bộ phận sản xuất 520 trđ.
 - Thuộc bộ phận quản lý doanh nghiệp và bán hàng 140 trđ.

Tài liệu bổ sung:

- Các khoản chi của công ty X đều có hóa đơn, chứng từ hợp pháp.
- Thuế suất thuế GTGT đối với hàng hóa, dịch vụ 10%.
- Thuế suất thuế TNDN 20%.
- Thuế suất thuế nhập khẩu đối với nguyên liệu A là 10%, nguyên liệu A không chịu thuế TTĐB.

- Công ty đã nộp đầy đủ các loại thuế ở khâu nhập khẩu.
- Trong năm 2023 công ty sản xuất được 1.200 tấn SP E, tồn kho đầu năm 0 SP.
- Chi phí sản xuất dở dang đầu năm và cuối năm xem như bằng nhau.
- Lãi tiền gửi ngân hàng trong năm 10 trđ.
- Hàng hóa, dịch vụ mua vào đều có chứng từ thanh toán qua ngân hàng

ĐÁP ÁN PHẦN TỰ LUẬN VÀ THANG ĐIỂM

Phần câu hỏi	Nội dung đáp án	Thang điểm	Ghi chú
I. Trắc nghiệm		3.0	Mỗi câu 0.3 điểm
II. Tự luận		7.0	
Câu 1	Trả lời nhận định đúng và nêu cơ sở pháp lý Trả lời đúng 0.75 điểm nêu đúng cơ sở pháp lý 0.75 điểm	1.5	
Câu 2	Trả lời nhận định đúng và nêu cơ sở pháp lý Trả lời đúng 0.75 điểm nêu đúng cơ sở pháp lý 0.75 điểm	1.5	
Câu 3	Trả lời các câu hỏi sau	4.0	
1	Thuế nhập khẩu phải nộp	0.4	
2	Thuế giá trị gia tăng của hàng nhập khẩu	0.4	
3	Tổng doanh thu tính thuế TNDN	0.4	
4	Chi phí giá vốn hàng bán phát sinh trong kỳ	0.4	
5	Các khoản bảo hiểm bắt buộc tính vào chi phí	0.4	
6	Tổng chi phí được trừ	0.4	
7	Thu nhập khác	0.4	
8	Thu nhập miễn thuế	0.4	
9	Thu nhập tính thuế trong kỳ	0.4	
10	Tiền thuế TNDN phải nộp trong kỳ	0.4	
Điểm tổng		10.0	

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 03 năm 2024

Người duyệt đề

Giảng viên ra đề



Nguyễn Thị Thu Vân



Đào Tuyết Lan